

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/8/2018  
V/v: “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ba.
2. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 230/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1985 (có mặt).  
Trú tại: Số 751, tổ 6, ấp 1, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.  
Chỗ ở hiện nay: 73, tổ 3, ấp V, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Kim H, sinh năm 1984 (vắng mặt).  
Trú tại: Số 751, tổ 6, ấp 1, xã C, huyện L, Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Kim H tổ chức lễ cưới vào năm 2011 đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham chơi cờ bạc, thường

xuyên nhậu nhệ về nhà gây sự, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Từ tháng 5/2017 chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch sinh sống ly thân anh H cho đến nay, vợ chồng không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Ngọc Kim Q, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01/01/2017. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Q và cháu T, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2018, bị đơn anh Nguyễn Kim H trình bày:*

Thời gian và hoàn cảnh xây dựng gia đình với nhau như chị T khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T khai là do anh ham chơi không chăm lo cho gia đình nên chị T bỏ đi về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân anh từ tháng 7/2017 cho đến nay là đúng. Chị T xin ly hôn anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Con chung có hai cháu tên Nguyễn Ngọc Kim Q, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01/01/2017. Hiện tại hai cháu đang ở với chị T. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao hai con cho chị T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

- Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70,72, 234 Bộ Luật tố tụng dân sự.

*Về đường lối giải quyết vụ án:* đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Kim Q, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01/01/2017 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xét. Về án phí chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh H không đến tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã Chuyện L, tỉnh Đồng Nai (số 104/2012 quyền số Q01/2011 ngày 04/9/2012) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh H không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị T kiên quyết xin ly hôn không đồng ý rút đơn để trở về đoàn tụ.

Xét thấy từ tháng 7 năm 2017 đến nay chị T và anh H tự sống ly thân đến nay chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đều xác định tình cảm không còn nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3]. Về con chung: Có hai cháu Nguyễn Ngọc Kim Q, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01/01/2017. Sau khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cháu Q và cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ tháng 7/2017 đến nay chị T là người trực tiếp nuôi hai con, cuộc sống các cháu đã ổn định, cháu T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên cần căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam giao cháu Q, cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T nuôi con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Thu T, xử cho chị Phan Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Kim H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim Q, sinh ngày 11/9/2012 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Phan Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

## 2. Về án phí:

Chị Phan Thị Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 002099 ngày 09/4/2018 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Chị Phan Thị Thu T được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Kim H được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

### *Nơi nhận :*

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBND X. Cẩm Đường;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phụng**